TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST
Ngày: 25/10/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An, ông Nguyễn Đăng Thúy.

- Thư ký phiên toà: Ông Tạ Hữu Hiển- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Quản - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST- KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST- KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP D; Địa chỉ: Số 28C-28D phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình C – Giám đốc Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP D.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Tạ Quang A – Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP D. Có mặt.

Bị đơn: Ông Luân Quang T, sinh năm 1974; Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện ngân hàng TMCP D trình bày: Vào ngày 26/04/2017 giữa Ngân hàng TMCP D và ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M đã ký hợp đồng hạn mức cho vay số 708/17/HĐHM/114-9379 với số tiền 500.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ. Thời hạn cho vay 36 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi lần giải ngân không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ. Phương thức trả nợ: được thỏa thuận cụ thể tại khế ước nhận nợ.

Tại khế ước nhận nợ số 709/KUNN/708/HĐHM-9379 ngày 26/4/2017 ông T, bà M đã nhận số tiền 500.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Ông T, bà M đã ký nhận vào giấy nhận nợ của Ngân hàng. Thời hạn vay 12 tháng, để bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất thả nổi kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 10,5%, lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần trên cơ sở cộng biên độ 3.0%/năm. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng đến khi thanh toán xong. Trả nợ gốc hạn cuối cùng vào ngày 26/4/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông T, bà M đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của vợ chồng. Đó là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 07, diện tích 115 m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất tại thôn Kim Bảng, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M417024 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 29/12/1997 đăng ký sang tên cho ông Luân Quang T ngày 21/05/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3312017//HĐTC/114-9379 ngày 26/4/2017 tại phòng công chứng A7, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi nhận tiền từ Ngân hàng, ông T bà M chưa trả được nợ gốc, tiền lãi đã trả được đến ngày 26/02/2018. Từ đó đến nay ông T, bà M chưa trả được tiền cho Ngân hàng. Tính đến ngày 16/05/2019, ông T bà M còn nợ ngân hàng số tiền là 604.718.332 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.853.045 đồng, nợ lãi quá hạn 88.229.169 đồng và lãi phạt 2.636.118 đồng. Ngân hàng đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà M không trả nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông T, bà M phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu ông T, bà M không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Ngân hàng TMCP D đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng M cho yêu cầu khởi kiện gồm: Bản sao Giấy chứng M nhân dân; sổ hộ khẩu, đăng ký kết hôn của ông T, bà M; hợp đồng thế chấp; hợp đồng hạn mức, khế ước nhận nợ; hồ sơ pháp lý của Ngân hàng; giấy ủy quyền; Thông báo về việc nợ quá hạn và các biên bản làm việc; Thông báo về việc khởi kiện; Biên lai thu tiền tạm ứng án phí;

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2019 và các lời khai tại Tòa án án, bị đơn là bà Nguyễn Thị M xác nhận toàn bộ nội dung trình bày của đại diện nguyên đơn về số nợ của hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như xác nhận toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Theo hợp đồng tín dụng đã ký và khế ước nhận nợ tính đến ngày 16/05/2019, ông T bà M còn nợ Ngân hàng TMCP D số tiền 604.718.332 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.853.045 đồng, nợ lãi quá hạn 88.229.169 đồng và lãi phạt 2.636.118 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP D khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, bà đồng ý trả nợ; Hiện tại do kinh tế khó khăn nên bà không có tiền để trả cho Ngân hàng nên đề nghị giải quyết theo qy định của pháp luật. Nếu ông bà không trả được tiền thì Ngân hàng TMCP D có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Hộ gia đình bà theo sổ hộ khẩu gồm có: Bà, chồng là Luân Quang T, mẹ chồng là Đàm Thị M sinh năm 1941, con trai Luân Văn C sinh năm 1997 và Luân Văn B sinh năm 2006. Hai con của bà còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất đã thế chấp cho Ngân hàng có nguồn gốc là của bà M tặng cho vợ chồng bà. Bà xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà M chỉ có tên trong sổ hộ khẩu nhưng không sống cùng vợ chồng bà, không liên quan gì đến việc vay tiền ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp. Chồng bà là Luân Quang T đã bỏ đi làm ăn xa, bà không biết đi đâu, làm gì không liên lạc gì với bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng các bên không hòa giải được nên Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M phải trả Ngân hàng TMCP D số tiền nợ gốc và nợ lãi

tính đến ngày 25/10/2019 là 643.107.440 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.853.045 đồng, nợ lãi quá hạn 125.583.333 đồng, lãi phạt 3.671.062 đồng và trả lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký số 708/17/HĐHM/114-9379 ngày 26/4/2017 đến khi thanh toán xong nợ.

Nếu ông T, bà M không trả được tiền thì Ngân hàng TMCP D có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt. Bà M vẫn giữ nguyên mọi lời khai tại Tòa án, đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vì chồng không có nhà, một mình làm không đủ điều kiện sinh sống và nuôi con, không có tiền để trả ngân hàng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn là bà M đã có đơn xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, 298, 318, 319, 320, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị định số 63/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D đối với ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền tính đến ngày 25/10/2019 là 643.107.440 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.853.045 đồng, nợ lãi quá hạn 125.583.333 đồng, lãi phạt 3.671.062 đồng và trả lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký số 708/17/HĐHM/114-9379 ngày 26/4/2017 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ông T, bà M không trả được tiền cho Ngân hàng TMCP D thì Ngân hàng TMCP D có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 07, diện tích 115 m^2 (Nay là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 74, diện tích 115,6 m^2) và toàn bộ công trình xây dựng trên đất tại thôn Kim Bảng, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M417024 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 29/12/1997 đăng ký sang tên cho ông Luân Quang T ngày 21/05/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3312017//HĐTC/114-9379 ngày 26/4/2017 tại phòng công chứng A7, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Ông T vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Ngày hôm nay 25/10/2019, ông T vắng mặt lần thứ hai, bà M có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngân hàng TMCP D khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông T, bà M trú tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, Từ Sơn, Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét hợp đồng hạn mức cho vay số 708/17/HĐHM/114-9379 ngày 26 tháng 04 năm 2017; khế ước nhận nợ số 709/KUNN/708/HĐHM - 9379 ngày 26/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP D với ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng : Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về

tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông T, bà M đã nhận đầy đủ tiền theo khế ước nhận nợ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP D đã khởi kiện ra Tòa án buộc ông T, bà M phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ngân hàng TMCP D và bà M đều xác nhận số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho nên không phải chứng M và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T, bà M phải trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền tính đến ngày 25/10/2019 là 643.107.440 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.853.045 đồng, nợ lãi quá hạn 125.583.333 đồng, lãi phạt 3.671.062 đồng và trả lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký số 708/17/HĐHM/114-9379 ngày 26/4/2017 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông T, bà M đã thế chấp tài sản là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 07, diện tích 115 m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất tại thôn Kim Bảng, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M417024 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 29/12/1997 đăng ký sang tên cho ông Luân Quang T ngày 21/05/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3312017/HĐTC/114-9379 ngày 26/4/2017 tại phòng công chứng A7, tỉnh Bắc Ninh. Đại diện nguyên đơn và bà M đều xác định hiện trạng tài sản thế chấp tại thời điểm tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Nay là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 74, diện tích 115,6 m^2. Theo bà M thì toàn bộ nhà đất trên là tài sản chung của vợ chồng bà. Thửa đất có sự thay đổi về diện tích là do sai số khi đo đạc. Xét thấy, việc ký kết tài sản thế chấp giữa ông T, bà M với Ngân hàng TMCP D đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Nếu ông T, bà M không trả được tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP D có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản này theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP D được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ngân hàng TMCP D tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông T, bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, 298, 318, 319, 320, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị định số 63/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D đối với ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền tính đến ngày 25/10/2019 là 643.107.440 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.853.045 đồng, nợ lãi quá hạn 125.583.333 đồng, lãi phạt 3.671.062 đồng và trả lãi theo hợp đồng hạn mức cho vay đã ký số 708/17/HĐHM/114-9379 ngày 26/4/2017 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ông T, bà M không trả được tiền cho Ngân hàng TMCP D thì Ngân hàng TMCP D có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 07, diện tích 115 m^2 (Nay là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 74, diện tích 115,6 m^2) và toàn bộ công trình xây dựng trên đất tại thôn Kim Bảng, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M417024 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 29/12/1997 đăng ký sang tên cho ông Luân Quang T ngày 21/05/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3312017//HĐTC/114-9379 ngày 26/4/2017 tại phòng công chứng A7, tỉnh Bắc Ninh.

Án phí: Ông Luân Quang T, bà Nguyễn Thị M phải chịu 29.724.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP D 14.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002120 ngày 06/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh